

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST

Ngày: 25 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Việt Nam
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

-T4 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên – Nguyên phó Trưởng phòng giáo dục đào tạo huyện N

Bà Trần Thanh Phương – Nguyên phó Chủ tịch hội phụ nữ huyện N

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 633/TB-TA ngày 17/9/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 661/TB-TA ngày 05/10/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/HSST-QĐ, ngày 21/12/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/HSST-QĐ, ngày 19/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh P, sinh ngày 05/4/2004, tại Tp. HCM; nơi cư trú: Ấp T, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Nguyên L và bà Nguyễn Thị Hoài A; chưa vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị Công an huyện N tạm giữ từ ngày 02/8/2020 đến ngày 11/8/2020 được tại ngoại; ngày 23/11/2020 bị Công an huyện L1 tạm giữ đến ngày 02/12/2020 được tại ngoại; ngày 31/12/2020 bị Công an huyện N tạm giữ đến ngày 09/01/2021 được tại ngoại; ngày 18/01/2021 tiếp tục bị Công an huyện N tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Huỳnh Thanh T1, sinh năm 2000 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T2, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ và bà Lê Thị Hồng H1; chưa vợ con; tiền án: tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2020 (có mặt).

3. Nguyễn Văn V (Bé), sinh năm 1986, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: tổ 1, ấp Y, xã A1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa xe mô tô; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị G; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 15/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện L1 xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số: 65/2012/HSST của Tòa án nhân dân huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 11/10/2018 chấp hành xong bản án; tiền sự: Ngày 11/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện L1 ra Quyết định số: 63/2020/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 14 tháng; nhân thân: Ngày 27/9/2007, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số: 75/2007/HSST của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai; bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2021 (có mặt).

- Bị hại: Anh Trịnh Văn H2, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm V1, xã X1, huyện T3, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Ngô Văn T4, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B1, xã N1, huyện T5, tỉnh Nghệ A3.

Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X2, xã L2, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

Anh Nguyễn Thanh K1, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L3, xã A2, huyện L4, tỉnh Quảng Bình

Chị Kpuih P, sinh ngày 01/01/ 2004 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bà Phan Thị T6, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà nghỉ Ngọc Ngà, tổ 21, khu V2, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai.

- Nguyên đơn dân sự: Anh Ngô Trung H2, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 5, p. T7, Tp. T8, Tp. Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh P có bà Bùi Thị H3 - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người giám hộ cho bị cáo Trần Minh P có cha là Trần Nguyên L, sinh năm 1970 (vắng mặt) và mẹ là Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 31/12/2020, Trần Minh P rủ Huỳnh Thanh T1 đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy về sử dụng thì T1 đồng ý, T1 điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển kiểm soát) chở phía sau Trần Minh P và một người bạn (chưa rõ nhân thân) về khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn P3 thuộc ấp P4, xã P5, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Đến nơi thì bạn của T1 bỏ đi. Lúc này T1 và P nhìn thấy chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát: 88S5-6253 của Anh Trịnh Văn H2, sinh năm 1995, ngụ tại xóm V1, xã X1, huyện T3, tỉnh Thanh Hóa dựng ngoài hành la3g khu nhà trọ, chìa khóa vẫn cắm trên xe. T1 và P quan sát thấy không có ai trông giữ nên T1 ở ngoài cảnh giới còn P đến khóa xe và nổ máy chạy về phòng trọ số 8 thuộc nhà trọ của ông Mai Văn Đ2 thuộc ấp Đ3, xã P5, huyện N cất giấu. Đến khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, Anh H2 phát hiện mất xe nên đi tìm thì phát hiện chiếc xe của anh đang cất giấu tại phòng trọ số 8 thuộc nhà trọ của ông Mai Văn Đ2 nên đến Công an xã P5 trình báo. Đến 21 giờ ngày 31/12/2020, Huỳnh Thanh T1 và Trần Minh P đến Công an xã P5 đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra còn điều tra làm rõ Trần Minh P đã thực hiện 06 vụ trộm cắp khác trên địa bàn huyện N và huyện L1, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 31/7/2020, Trần Minh P đi bộ đến khu nhà ở xã hội IDICO khu phố M, thị trấn H4, huyện N lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 37N1-033.16 của Anh Ngô Văn T9, sinh năm 1994, ngụ tại: xóm B2, xã N2, huyện T10, tỉnh Nghệ An, tạm trú: Khu nhà ở xã hội IDICO thuộc khu phố M, thị trấn H4, huyện N. Sau khi trộm cắp chiếc xe trên P nhờ một người bạn tên là Văn H5 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mang đi bán được số tiền là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng).

Vụ thứ hai: Vào ngày 18/11/2020, Trần Minh P đi bộ đến tại nhà nghỉ Ngọc Ngà thuộc khu Văn Hải, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai, nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic màu trắng đỏ biển số 68T1-538.70 của Ngô Trung H2, sinh năm 1988, ngụ tại: khu phố 5, Phường T7, TP.T8, Thành phố Hồ Chí Minh dựng trong bãi đậu xe nhưng không có ai trông coi. P lén lút vào lấy chiếc xe trên rồi mang đi cất giấu. Sau đó, P nhờ Lê Thị Mỹ A3, sinh năm 2001 đem xe đi bán. V và A3 biết rõ chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic màu trắng đỏ biển số 68T1-538.70 do P trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang đi bán. Do xe không nổ máy được nên V đã cắt và nối lại dây công tắc điện lại với nhau rồi nổ máy xe giao lại cho A3 chạy xe đi bán cho 01 thanh niên tên D với số tiền 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) số tiền trên A3 đã tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Vào ngày 10/12/2020, P đi bộ đến tiệm game Ngọc Phú thuộc khu Phước Thuận, thị trấn L1, huyện L1 thì nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Hado Super Siva màu nâu mang biển kiểm soát 60C2-036.27 của Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 2003, ngụ tại ấp B3, xã L5, huyện L1 dựng trước cửa tiệm nhưng không có ai trông coi. P liền đi đến lén lút lấy chiếc xe trên rồi mang đi bán cho 01 thanh niên tên Sơn với số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) đã tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: Vào ngày 23/12/2020, Trần Minh P đi bộ đến khu vực thuộc khu C1, thị trấn L1, huyện L1 thì nhìn thấy chiếc xe mô tô xe máy hiệu Yamaha Sirius màu xAnh, bạc biển kiểm soát 84M1-066.87 của Nguyễn Thanh K1, sinh năm 2002, ngụ tại: xã A4, huyện L6, tỉnh Quảng Bình dựng trước khu nhà trọ không có ai trông coi. P liền đi đến lén lút lấy chiếc xe trên rồi đem xe bán cho 01 thanh niên lạ mặt tại tiệm game bắn cá ở xã P6, huyện N với số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) đã tiêu xài hết.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 09 giờ ngày 18/01/2021, Trần Minh P đi bộ đến phòng trọ của Anh L7 (là bạn bè quen biết của P) ở phòng số 8 thuộc cơ sở trọ Mai Văn Đ2 thuộc ấp Đ4, xã P6, huyện N để xin cơm ăn, khi đến phòng trọ của L7 thì P nhìn thấy chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 72X1-0180 của chị Kpuih P, sinh ngày 01/01/2004, ngụ tại xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (đang tạm trú: ấp Đ4, xã P6, huyện N) dựng trước cửa phòng trọ không có người trông coi nên P đã lén lút lấy trộm chiếc xe trên đẩy ra khỏi dãy nhà trọ rồi dùng tay giật dây khóa và dùng chân đạp nổ xe máy chạy đến tiệm thu mua phế liệu thuộc ấp T11, xã P7, huyện N thì P đã bán chiếc xe trên với giá 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) và tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, vào ngày 02/8/2020, Trần Minh P đi bộ đến khu nhà ở xã hội Idico khu phố M, thị trấn H4, huyện N lén lút trộm cắp 01 (một) xe mô tô hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất màu đỏ biển số 68V6-5373. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thông báo truy tìm nhưng chưa xác định được người bị hại.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 185/KLĐG-HĐĐG ngày 05/08/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đen xám biển số 69N1-406.84 có giá trị là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đen đỏ biển số 37N1-033.16 có giá trị là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất màu đỏ biển số 63V6-5373 có giá trị là 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 103/KLĐG-HĐĐG ngày 01/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L1 kết luận 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Honda Sonic màu trắng đỏ đen biển số 68T1-538.70 có giá trị là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 24/KLĐG-HĐĐG ngày 19/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L1 kết luận 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu xAnh bạc biển số 84M1-066.87 có giá trị là 7.333.000 đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng); 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Hado Super Siva màu nâu biển số 60C2-036.27 có giá trị là 3.666.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)

Tại Kết luận định giá tài sản số: 05/KLĐG-HĐĐG ngày 07/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận 01 (một) xe mô tô, gắn

máy hiệu ASYM do Trung Quốc sản xuất màu đỏ đen biển số 88S5-6253 có giá trị là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 16/KLĐG-HĐĐG ngày 22/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Wave Wayec do Trung Quốc sản xuất màu xAnh bạc đen biển số 72X1-0180 có giá trị là 3.420.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn V tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Huỳnh Thanh T1 đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo Trần Minh P đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Văn V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Về tang vật thu giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu xám đen biển số 69N1-406.84 đã xử lý vật chứng trả cho anh Nguyễn Văn T12. 01 (một) xe mô tô hiệu ASYW màu đỏ đen biển số 88S5-6253 đã xử lý vật chứng trả cho Anh Trịnh Văn H2. 01 (một) xe mô tô, gắn máy hiệu Wave Wayec do Trung Quốc sản xuất màu xAnh bạc đen biển số 72X1-0180 đã xử lý vật chứng trả cho chị Kpuih P. 01 (một) xe mô tô hiệu Wave do Trung Quốc sản xuất màu đỏ biển số 68V6-5373 do chưa có bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục tạm giữ chờ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Trần Nguyên L và bà Nguyễn Thị Hoài A là cha mẹ của bị cáo P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Anh Nguyễn Văn K1, Nguyễn Đăng K và Phan Thị T6 theo qui định pháp luật.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 135/CT.VKSNT ngày 30/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố Trần Minh P về tội “trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Huỳnh Thanh T1 về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn V tội” Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Minh P về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Huỳnh Thanh T1 về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn V tội” Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58, 91, 101 của Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Minh P từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự xử phạt Huỳnh Thanh T1 từ 13 đến 15 tháng tù; áp dụng

khoản 1 Điều 232, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn V từ 14 đến 16 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc ông Trần Nguyên L và bà Nguyễn Thị Hoài A (là cha mẹ của bị cáo P) bồi thường tài sản bị mất không thu hồi được theo giá trị đã định giá cho các bị hại Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thanh K1 và Phan Thị T6 theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo P phát biểu ý kiến: Thống nhất về tội danh, điều khoản truy tố bị cáo P của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội là người chưa T4 niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Do đó, nên áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất theo quy định của pháp luật. Về phần dân sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trành tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo P khai nhận: Vào khoảng 12 giờ ngày 31/12/2020, tại ấp Đ3, xã P5, huyện N, bị cáo rủ Huỳnh Thanh T1 đã lén lút trộm chiếc xe mô tô biển số 88S5-6253 của Anh Trịnh Văn H2 thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Ngoài ra một mình bị cáo P còn thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 31/7/2020, tại khu nhà ở xã hội Idico thuộc khu phố M, thị trấn H4, huyện N, bị cáo đã lén lút trộm chiếc xe mô tô biển số 37N1-033.16 của Anh Ngô Văn T9 rồi đem đi bán được 1.300.000 đồng tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào ngày 02/8/2020, tại khu nhà ở xã hội Idico thuộc khu phố M, thị trấn H4, huyện N bị cáo đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 69N1-406.84 của anh Nguyễn Văn T12.

Vụ thứ ba: Vào ngày 18/11/2020, tại nhà nghỉ Ngọc Ngà thuộc khu Văn Hải, thị trấn L1, huyện L1, tỉnh Đồng Nai, bị cáo đã lén lút trộm chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic màu trắng đỏ biển số: 68T1-538.70 của Ngô Trung H2 gửi tại nhà nghỉ. Sau đó, bị cáo điện thoại cho Lê Thị Mỹ A3 chạy xe đến để đẩy xe này đi vì không nổ máy được. Khi A3 đến thì bị cáo điều khiển xe của A3 đẩy xe đi đến nhà

của V. Bị cáo ở ngoài còn A3 đẩy xe vào nhà V nhờ V cắt dây điện xong. A3 đẩy xe ra ngoài bị cáo tiếp tục đẩy xe cho A3 thì xe nổ máy, A3 bỏ chạy luôn bị cáo không tìm được.

Vụ thứ tư: Vào ngày 10/12/2020, tại tiệm game Ngọc Phú thuộc khu Phước Thuận, thị trấn L1, huyện L1, bị cáo đã lén lút trộm chiếc xe mô hiệu Hado Super Siva màu nâu biển số 60C2-036.27 của Anh Nguyễn Đăng K rồi đem đi bán cho 01 thanh niên tên Sơn với số tiền 800.000 đồng tiêu xài hết.

Vụ thứ năm: Vào ngày 23/12/2020, tại khu vực thuộc khu C1, thị trấn L1, huyện L1, bị cáo đã lén lút trộm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu xanh bạc biển số 84M1-066.87 của Nguyễn Thanh K1 rồi đem xe bán cho 01 thanh niên lạ mặt tại tiệm game bắn cá ở xã P6, huyện N với số tiền 800.000 đồng tiêu xài hết.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 09 giờ ngày 18/01/2021, tại ấp Đ4, xã P6, huyện N, bị cáo đã lén lút trộm chiếc xe mô tô biển số 72X1-0180 của chị Kpuih P rồi bán cho tiệm thu mua phế liệu không tên thuộc ấp T11, xã P5, huyện N với giá 600.000 đồng tiêu xài hết.

Bị cáo P đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị là 81.619.000 đồng (tám mươi một triệu sáu trăm mười chín ngàn đồng).

Bị cáo T1 thừa nhận lời khai của bị cáo P trước Tòa là hoàn toàn đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên bị cáo không khai gì thêm.

Bị cáo V khai: Vào ngày 18/11/2020 trong lúc đang ở nhà thì thấy Lê Thị Mỹ A3 đẩy xe mô tô Honda hiệu Sonic biển số 68T1- 538.70 vào bên hông nhà. Bị cáo hỏi xe của ai thì A3 nói xe của P mới trộm cắp được và hỏi mượn đồ mở khóa xe nhưng không mở được nên nhờ bị cáo cắt và nối dây điện công tắc xe dùm rồi A3 chạy xe đi. Sau đó, A3 quay về nhà bị cáo chơi và nói là đã bán xe rồi, bị cáo hỏi mượn tiền nhưng A3 không cho, rồi A3 bỏ đi chứ bị cáo không được chia tiền.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, tang vật thu giữ, lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trần Minh P phạm tội “trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Huỳnh Thanh T1 phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn V phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất của vụ án mà bị cáo P thực hiện là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị A3 tại địa P. Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, không có bàn bạc phân công vai trò cụ thể và cũng không có sự điều khiển của người nào nên đây chỉ là dạng đồng phạm giản đơn.

[4] Xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mục đích, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau cho nên cần xem xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo P là người đề xuất, rủ rê và là người trực tiếp trộm cắp tài

sản 7 lần tổng giá trị tài sản là 81.619.000 đồng; bị cáo T1 là đồng phạm giúp sức tích cực trong việc phạm tội, thực hiện việc trộm cắp 1 lần giá trị tài sản là 3.200.000 đồng. Bị cáo V có hành vi cắt và nối dây điện xe mô tô mà P trộm cắp để cho Lê Thị Mỹ A3 đem đi bán. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P và T1 không có. Bị cáo V có một tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo P và V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo P phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết trên cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 31/12/2020 đến nay cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung, nên không cần tiếp tục tạm giam mà áp dụng mức hình phạt tù bằng với thời gian đã tạm giam theo khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Các biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa Anh Ngô Trung H2 không yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại, mà yêu cầu bà Phan Thị T6 là chủ nhà nghỉ Ngọc Ngà nơi Anh gửi xe bị mất trộm có trách nhiệm bồi thường số tiền giá trị xe mô tô biển số 68T1- 538.70 theo định giá là 45.000.000 đồng cho Anh. Anh đồng ý tách yêu cầu bồi thường đối với bà T6 bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án của bà T6 là bị hại, Anh H2 là nguyên đơn dân sự để giải quyết việc bồi thường theo quy định của pháp luật. Bị hại Nguyễn Thanh K1 và Nguyễn Đăng K có yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị xe mô tô bị mất theo giá đã định giá. Tại phiên tòa bị cáo và bà Hoài Anh đồng ý bồi thường cho các bị hại K1, K và T6 giá trị tài sản như đã định giá nên ghi nhận.

Bị cáo P là người chưa T4 niên phạm tội. Hiện bị cáo không có tài sản riêng và chưa bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Do đó, cần buộc người giám hộ là cha mẹ bị cáo là ông Trần Nguyên L và bà Nguyễn Thị Hoài A phải có trách nhiệm bồi thường tiền cho các bị hại gồm Nguyễn Thanh K1 số tiền 7.333.000 đồng, Nguyễn Đăng K 3.666.000 đồng và Phan Thị T6 45.000.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ông Long, bà Anh phải chịu 2.799.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Về tội dAnh, tình tiết giảm nhẹ, đề nghị mức hình phạt và trách nhiệm dân sự là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326, 327 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Minh P, Huỳnh Minh T1 phạm tội “trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58, 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Minh P 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2021, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 02/8/2020 đến ngày 11/8/2020; từ ngày 23/11/2020 đến ngày 02/12/2020 và từ ngày 31/12/2020 đến ngày 09/01/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T1 1 (một) năm 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2020 (đã chấp hành xong hình phạt).

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Huỳnh Thanh T1, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 1 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2021.

Áp dụng Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Hoài A và ông Trần Nguyên L bồi thường cho cho các bị hại gồm: Nguyễn Thanh K1 số tiền 7.333.000đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi ba ngàn), Nguyễn Đăng K 3.666.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) và Phan Thị T6 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu).

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị xe mô tô biển số 68T1-538.70 của Anh Ngô Trung H2 đối với bà Phan Thị T6 bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo P, T1 và V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bà Anh, ông Long phải chịu chung 2.799.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo, bị hại, người giám hộ cho bị cáo P có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại và ông Long vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh ĐN;
- VKS, CA, THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tài

